

Bản án số: 18/2022/KDTM-ST

Ngày: 27-7-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sanh

Ông Nguyễn Xuân Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 01/2022/TLST- KDTM ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty cổ phần S**; Địa chỉ: Số 153- 155 đường N, phường 2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 569 đường 2/9, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền ngày 13/12/2021 của Tổng Giám đốc công ty cổ phần S). Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: **Công ty cổ phần H**; Địa chỉ: Số 35 đường C, phường Th, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Văn L - chức vụ Giám đốc. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần S – bà Phạm Thị Thanh Tâm trình bày:**

Ngày 17/5/2019, Công ty cổ phần S và Công ty cổ phần H đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 14/HĐKT/JM-2016 với nội dung: Công ty cổ phần S đồng ý cung

cấp cho Công ty cổ phần H “lô hàng miệng gió có nội dung chi tiết theo như phụ lục đính kèm, hàng mới 100%” với tổng giá trị Hợp đồng là 568.526.310đ (đã bao gồm 10% thuế VAT). Sau khi ký hợp đồng, công ty chúng tôi đã cung cấp hàng hóa đầy đủ theo đơn đặt hàng và xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho phía Công ty cổ phần H.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, tổng giá trị hàng hóa công ty chúng tôi cung cấp cho Công ty cổ phần H là 1.817.186.184đ, phía Công ty cổ phần H đã thanh toán cho công ty chúng tôi số tiền 1.637.395.092đ, còn nợ lại 179.791.092đ (Một trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm chín mươi một ngàn không trăm chín mươi hai đồng). Công ty chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu phía Công ty cổ phần H thanh toán tiền nợ nhưng phía Công ty cổ phần H nhiều lần làm công văn gửi công ty chúng tôi cam kết trả nợ, lần cuối cùng vào ngày 09/11/2021, phía Công ty cổ phần H làm Công văn số 27/CV-HVL xác nhận còn nợ Công ty cổ phần S số tiền 179.791.092đ và cam kết trả nợ vào tháng 6/2022 nhưng việc trả nợ đã kéo dài quá lâu, công ty chúng tôi không nhận được thiện chí từ phía Công ty cổ phần H nên khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần H phải thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền hàng còn nợ 179.791.092đ và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 09/11/2021 đến ngày 27/7/2022 là 11.437.669đ, tổng cộng số tiền phải thanh toán là 191.228.761đ (Một trăm chín mươi một triệu hai trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi một đồng)

*** Theo đơn trình bày, biên bản hòa giải đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần H – ông Võ Văn L trình bày:**

Công ty cổ phần H có ký Hợp đồng kinh tế số 14/HĐKT/JM-2016 với Công ty cổ phần S và các bên đã thực hiện việc mua bán hàng hóa theo Hợp đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty cổ phần H đã mua hàng hóa với tổng số tiền 1.817.186.184đ, đã thanh toán được số tiền 1.637.395.092đ, còn nợ lại Công ty cổ phần S số tiền 179.791.092đ. Tuy nhiên do dịch bệnh kéo dài dẫn đến Công ty gặp khó khăn về kinh tế nên không thể thanh toán cho phía Công ty cổ phần S và cam kết sẽ thanh toán khi có các nguồn tiền khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần H phải thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền nợ gốc 179.791.092đ và tiền nợ lãi được tính từ ngày 09/11/2021 đến ngày 27/7/2022 là 11.437.669đ, tổng cộng số tiền phải thanh toán là 191.228.761đ (Một trăm chín mươi một triệu hai trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi một đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa Công ty cổ phần S với Công ty cổ phần H và điều mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại địa chỉ số 35 đường Cao Thắng, phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn- Công ty cổ phần H mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 17/5/2019, Công ty cổ phần S và Công ty cổ phần H đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 14/HĐKT/JM-2016 với nội dung: Công ty cổ phần S đồng ý cung cấp cho Công ty cổ phần H “lô hàng miệng gió có nội dung chi tiết theo như phụ lục đính kèm, hàng mới 100%”. Sau khi ký hợp đồng, Công ty cổ phần S đã cung cấp hàng hóa đầy đủ theo đơn đặt hàng và xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho phía Công ty cổ phần H với tổng giá trị hàng hóa là 1.817.186.184đ, phía Công ty cổ phần H đã thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền 1.637.395.092đ, còn nợ lại 179.791.092đ (Một trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm chín mươi một ngàn không trăm chín mươi hai đồng). Công ty cổ phần S đã yêu cầu Công ty cổ phần H thanh toán tiền nợ nhưng Công ty cổ phần H nhiều lần làm công văn gửi Công ty cổ phần S để cam kết trả nợ và không trả. Lần cuối cùng vào ngày 09/11/2021, Công ty Cổ phần H làm Công văn số 27/CV-HVL xác nhận còn nợ Công ty cổ phần S số tiền 179.791.092đ và cam kết trả nợ vào tháng 6/2022 nhưng việc trả nợ đã kéo dài quá lâu và không nhận được thiện chí trả nợ từ phía Công ty cổ phần H nên Công ty cổ phần S khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần H phải thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền hàng còn nợ 179.791.092đ và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 09/11/2021 đến ngày 27/7/2022 là 11.437.669đ, tổng cộng số tiền phải thanh toán là 191.228.761đ (Một trăm chín mươi một triệu hai trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi một đồng).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc mua bán hàng hóa giữa Công ty cổ phần S và Công ty cổ phần H được thể hiện bằng Hợp đồng kinh tế số 14/HĐKT/JM-2016, các Hóa đơn giá trị gia tăng tại thời điểm giao hàng và Công văn xác nhận công nợ ngày 19/11/2021 của Công ty cổ phần H thì Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty cổ phần H có mua hàng của Công ty cổ phần S, phù hợp với Điều 24 Luật Thương mại. Mặc dù còn nợ tiền hàng là 179.791.092đ đã được xác nhận của Công ty cổ phần H nhưng không thanh toán cho Công ty cổ phần S là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 280 Bộ luật dân sự. Do vậy,

nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ Hợp đồng kinh tế giữa Công ty cổ phần S đối với Công ty cổ phần H là đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc Công ty cổ phần H phải thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền 179.791.092đ.

Đối với số tiền lãi Công ty cổ phần S yêu cầu Công ty cổ phần H thanh toán 11.437.669đ, lãi được từ ngày 09/11/2021 đến ngày 27/7/2022 với mức lãi suất 9%/năm. Từ ngày 09/11/2021, phía Công ty cổ phần H đã có văn bản xác nhận còn nợ Công ty cổ phần S số tiền nợ 179.791.092đ và đến ngày xét xử sơ thẩm vẫn không thanh toán nên số ngày này được tính vào thời gian chậm thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập mức lãi suất tại các Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thì tại thời điểm xét xử để tính lãi suất quá hạn bình quân của ba Ngân hàng là $(8,5\% + 10,5\% + 8,5\%)/3 \times 150\% = 13,75\%$ theo quy định tại điều 306 Luật Thương mại, tuy nhiên Công ty cổ phần S yêu cầu mức lãi suất 9% thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm là có lợi cho phía bị đơn nên số tiền lãi cho chậm thanh toán 11.437.669đ do nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ.

Như vậy tổng cộng các khoản Hội đồng xét xử chấp nhận buộc Công ty cổ phần H phải thanh toán cho Công ty cổ phần S là $179.791.092đ + 11.437.669đ = 191.228.761đ$.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – Công ty cổ phần H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: $191.228.761đ \times 5\% \sim 9.561.438đ$.

[5] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 39, 40, 41, 50, 54, 306 của Luật Thương mại; Điều 280, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" của Công ty cổ phần S với Công ty cổ phần H.

Buộc Công ty cổ phần H phải thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền 191.228.761đ (Một trăm chín mươi một triệu hai trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm

sáu mươi một đồng); trong đó nợ gốc: 179.791.092đ, nợ lãi tính từ ngày 09/11/2021 đến ngày 27/7/2022 là 11.437.669đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2. Án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty cổ phần H phải chịu là **9.561.438đ** (Chín triệu năm trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm ba mươi tám đồng).

Hoàn trả cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí **7.494.777đ** (Bảy triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng) theo biên lai thu số 0000629 ngày 14/01/2022 và biên lai thu số 0000748 ngày 22/3/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trích sao bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Hà